

Số: 24 /2022/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành đơn giá thực hiện dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hoạt động của Đội chiếu phim lưu động thuộc Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng hoặc Trung tâm Điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 643/TTr-SVHTTDL ngày 06 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Đơn giá này được áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh Đồng Nai đối với Đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chiếu phim lưu động.

2. Đơn giá thực hiện dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 3.470.000 đồng/buổi chiếu, đơn giá cụ thể như sau:

a) Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động (Phụ lục I kèm theo).

b) Bảng tính Đơn giá Vật liệu – Nhân công – Máy – Thiết bị (Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

2. Trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở thì áp dụng mức lương cơ sở theo quy định mới của Chính phủ để tính toán vào đơn giá.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện đơn giá; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính theo dõi, quản lý giá, giá dịch vụ theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (17b).

TháiTM

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{kiếp}

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



Phụ lục I

ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG CHIẾU PHIM LƯU ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị : đồng/1 buổi chiếu

Stt	Nội dung chi phí	Cách tính	Đơn giá	Ký hiệu
1	Chi phí vật liệu	Chi tiết tại phụ lục 2	498.850	C_{vl}
2	Chi phí nhân công	Chi tiết tại phụ lục 2	1.098.319	C_{nc}
3	Chi phí máy, thiết bị	Chi tiết tại phụ lục 2	768.134	C_m
4	Chi phí nhân công gián tiếp	$27\% * C_{nc}$	296.546	C_{ncgt}
5	Chi phí khác	$30,37\% * (C_{vl} + C_{nc} + C_m + C_{ncgt})$	808.403	C_k
	Đơn giá	$C_{vl} + C_{nc} + C_m + C_{ncgt} + C_k$	3.470.251	
	Làm tròn		3.470.000	

Bằng chữ: Ba triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng.

Ghi chú:

- Chi phí nhân công gián tiếp được thực hiện theo Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Chi phí khác được thực hiện theo Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai





Phụ lục II

BẢNG TÍNH ĐƠN GIÁ VẬT LIỆU, NHÂN CÔNG, MÁY - THIẾT BỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2022/QĐ-UBND ngày 1 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Stt	Thành phần hao phí	ĐVT	Định mức được duyệt	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Vật liệu				498.850
1	Dây dù	m	0.7576	30.000	22.728
2	Bạt che	m ²	0.3788	30.000	11.364
3	Dây điện	m	0.7576	25.000	18.940
4	Dây loa	m	0.4545	30.000	13.635
5	Ghế nhựa	cái	0.1894	75.000	14.205
6	Ổ cắm	cái	0.0076	600.000	4.560
7	Đèn pin	cái	0.0076	472.500	3.591
8	Cọc màn ảnh bằng sắt	cái	0.0455	293.000	13.332
9	Búa	cái	0.0019	220.000	418
10	Võng dù	cái	0.0114	200.000	2.280
11	Giỏ xách đựng công cụ - dụng cụ	cái	0.0189	300.000	5.670
12	Bóng đèn	cái	0.0606	240.000	14.544
13	Đèn để bàn	cái	0.0076	450.000	3.420
14	Bàn để máy chiếu – thiết bị	cái	0.0051	3.000.000	15.300
15	Quạt đứng	cái	0.0038	6.500.000	24.700
16	USB 32G lưu phim	cái	0.0076	129.000	980
17	Chân giá đỡ loa	cái	0.0038	2.500.000	9.500
18	Loa phóng thanh lưu động	cái	0.0025	2.340.000	5.850
19	Dây HDMI	bộ	0.0076	2.220.000	16.872
20	Màn ảnh	cái	0.0008	11.500.000	9.200
21	Loa thùng (tích hợp công suất)	bộ	0.0008	42.900.000	34.320
22	Đầu Karaoke	bộ	0.0019	9.250.000	17.575
23	Amly	bộ	0.0008	9.900.000	7.920
24	Ổ cứng	cái	0.0008	4.900.000	3.920
25	Micro	cái	0.0038	5.400.000	20.520
26	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	0.0008	5.180.000	4.144
27	Khung màn ảnh	bộ	0.0013	7.500.000	9.750
28	Cờ phương, cờ tổ quốc, cờ đảng, cờ hoa	bộ	0.1136	300.000	34.080
29	Pano, băng rôn (in Hamlet)	m ²	1.1364	130.000	147.732



30	Khung sắt pano, băng rôn	bộ	0.0013	6.000.000	7.800
II	Nhân công				1.098.319
1	Đội trưởng bậc bình quân 4,481	công	1	466.813	466.813
2	Kỹ thuật bậc bình quân 3,04	công	1	321.190	321.190
3	Lái xe bậc bình quân 2,91	công	1	310.316	310.316
III	Máy - thiết bị				768.134
1	Xe bán tải (chi phí sửa chữa, nhiên liệu)	ca	0.25	2.611.613	652.903
2	Máy vi tính xách tay	ca	0.5625	23.760	13.365
3	Máy chiếu full HD	ca	0.5625	49.969	28.108
4	Máy lưu, giải mã tín hiệu	ca	0.375	33.957	12.734
5	Máy phát điện dự phòng	ca	0.1125	542.434	61.024